

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TAM NÔNG  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/DS-ST  
Ngày 30 tháng 6 năm 2021  
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG - TỈNH PHÚ THỌ**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Đinh Thị Thu Huyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Khổng Minh Thanh  
2. Ông Nguyễn Chí Thanh

*Thư ký phiên toà:* Bà Hoàng Thị Thúy Minh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Ông Vũ Anh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 30/6/2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2021/TLST- DS ngày 19 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-DS ngày 15/6/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T - sinh năm 1967

Địa chỉ: Khu 4, xã T, huyện Tg, tỉnh P(Có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị C - sinh năm 1957

Địa chỉ: Khu 6, xã T, huyện Tg, tỉnh P( Có mặt).

-Người làm chứng: 1, Bà Phạm Thị T, sinh năm 1964

Địa chỉ: Khu 4, xã T, huyện Tg, tỉnh P(Vắng mặt).

2, Ông Nguyễn Đình P, sinh năm 1960

Địa chỉ: Khu 7, xã T, huyện Tg, tỉnh P(Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1, Trong đơn khởi kiện ngày 18/01/2021 và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày: Bà và bà Nguyễn Thị C có mối quan hệ là người cùng xã, có chơi với nhau. Tháng 5/2017 bà có cho bà C vay số tiền 58.000.000đ, sau đó bà đi miền Nam làm ăn đến năm 2018 thì bà về địa phương. Khi về địa phương bà đã nhiều lần đòi nợ nhưng bà C không trả nên bà đã làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã Thanh Uyên giải quyết, Ủy ban xã đã giao cho Ban công an xã giải quyết. Tại Công an xã bà C đã nhận toàn bộ khoản nợ trên và có viết “ Bản cam kết giả nợ” ngày 16/10/2019 với nội dung cam kết trả nợ cho bà số tiền trên. Cụ thể từ ngày 16/10/2019 đến ngày 30/12/2019 trả 20.000.000đ, ngày 10/5/2020 trả 18.000.000đ, ngày 30/12/2020 trả 20.000.000đ. Bản cam kết này bà C viết tại Ban công an xã Thanh Uyên có sự chứng kiến của Trưởng công an xã là ông Nguyễn Đình P. Sau khi bà C viết bản cam kết bà đã rút đơn không đề nghị ủy ban xã giải quyết nữa nhưng đến hạn trả nợ bà C vẫn không trả tiền cho bà mặc dù bà

đã nhiều lần đến đòi nợ. Nay bà yêu cầu bà C phải trả cho bà số tiền 58.000.000đ ( Năm mươi tám triệu đồng ), bà không yêu cầu tính lãi.

2, Phía bị đơn bà Nguyễn Thị C trình bày: Bà và bà T có mối quan hệ là người cùng xã quen biết và có chơi với nhau. Bà không vay mượn tiền của bà T nhưng bà có mua nợ thịt lợn của bà T từ năm 2014 đến năm 2016, tổng số tiền nợ là 7.446.000đ ( Bảy triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn đồng). Số nợ này bà đã trả xong cho bà T từ tháng 5/2017, bằng hình thức trả bằng ruộng cho bà Phạm Thị T ( Vì bà T nói với bà là bà T được bà T nhờ đòi nợ nên bà đã trả nợ cho bà T bằng ruộng). Việc trả nợ trên chỉ có bà và bà T biết với nhau, không có mặt bà T và bà T cũng không biết việc này. Bà C xác nhận “ Bản cam kết giả nợ” ngày 16/10/2019 mà bà T cung cấp cho Tòa án là chữ viết và chữ ký của bà, viết tại Ban công an xã Thanh Uyên, nội dung bản cam kết là đúng nhưng số tiền trên bà đã trả cho bà T qua bà T bằng hình thức trả bằng ruộng nhưng đến nay bà không có tài liệu chứng cứ gì để nộp cho Tòa án. Nay bà T yêu cầu bà phải trả cho bà T số tiền trên bà không đồng ý vì mặc dù bà có viết bản cam kết và xác nhận số nợ 58.000.000đ ( Năm mươi tám triệu đồng ) nhưng nếu bà T trả lại ruộng cho bà thì bà mới đồng ý trả tiền cho bà T.

3, Ý kiến trình bày của người làm chứng:

3.1, Bà Phạm Thị T trình bày: Bà với bà Phạm Thị T và bà Nguyễn Thị C có mối quan hệ là họ hàng với nhau, bà C là họ hàng gần hơn. Việc bà C khai bà T có nhờ bà đòi tiền nợ hộ bà T trong thời gian bà T đi miền Nam làm ăn là hoàn toàn không có, bà không liên quan gì đến việc nợ tiền của bà T và bà C. Bà và bà C có đôi đất cho nhau là do hai bên tự nguyện dón điền đổi thửa, việc này hai bên đã giải quyết xong và đã có giấy tờ, việc dón điền đổi thửa này không liên quan gì đến việc cho vay tiền giữa bà T và bà C, việc bà T cho bà C vay tiền cũng không liên quan gì đến bà, bà không thay bà T đòi nợ.

3.2, Ông Nguyễn Đình P trình bày: Tháng 10/2019 ông làm Trưởng công an xã Thanh Uyên, bà Phạm Thị T có đến công an xã để yêu cầu giải quyết việc đòi nợ, ông là người trực tiếp giải quyết. Quá trình giải quyết hòa giải thì bà C có tự nhận có vay tiền của bà T và viết giấy “ Bản cam kết giả nợ” ngày 16/10/2019. Khi bà C viết giấy trên có sự chứng kiến của ông, bà C có hứa trước bà T và ông là trả cho bà T số tiền như trong bản cam kết, bà C viết là trả dần.

4, Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Uyên ngày 14/5/2021 thấy rằng: Từ năm 2000 đến tháng 3/2020 ông Nguyễn Đình P làm trưởng công an xã Thanh Uyên. Bà Phạm Thị T có đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã Thanh Uyên giải quyết việc vay tài sản đối với bà Nguyễn Thị C Ủy ban xã đã giao cho Ban công an xã giải quyết nên Ban công an xã trực tiếp giải quyết đơn của bà T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của HĐXX, việc chấp hành pháp luật của các đương sự tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật. Đề nghị áp dụng Điều 463, 466 và 470 Bộ luật dân sự;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị C phải trả cho bà Phạm Thị T số tiền 58.000.000đ ( Năm mươi tám triệu đồng ). Bà T không yêu cầu tính lãi.

Bà Nguyễn Thị C thuộc trường hợp là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm d Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Phạm Thị T được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ngày 19/01/2021 Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của bà Phạm Thị T tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Nguyễn Thị C cư trú tại khu 6, xã T, huyện Tg, tỉnh P là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Thị T trình bày tháng 5/2017 bà có cho bà C vay số tiền 58.000.000đ, sau đó bà đi miền Nam làm ăn đến năm 2018 thì bà về địa phương. Khi về địa phương bà đã nhiều lần đòi nợ nhưng bà C không trả nên bà đã làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã Thanh Uyên giải quyết, Ủy ban xã đã giao cho Ban công an xã giải quyết. Tại Công an xã bà C đã nhận toàn bộ khoản nợ trên và có viết “Bản cam kết giả nợ” ngày 16/10/2019 với nội dung cam kết trả nợ cho bà số tiền trên nhưng đến hạn trả nợ bà C vẫn không trả tiền cho bà mặc dù bà đã nhiều lần đến đòi nợ. Nay bà yêu cầu bà C phải trả cho bà số tiền 58.000.000đ. Phía bị đơn bà Nguyễn Thị C cho rằng bà không vay mượn tiền của bà T nhưng bà có mua nợ thịt lợn của bà T từ năm 2014 đến năm 2016, tổng số tiền nợ là 7.446.000đ. Số nợ này bà đã trả xong cho bà T từ tháng 5/2017, bằng hình thức trả bằng ruộng cho bà Phạm Thị T ( Vì bà T nói với bà là bà T được bà T nhờ đòi nợ nên bà đã trả nợ cho bà T bằng ruộng). Nay bà T yêu cầu bà phải trả cho bà T số tiền trên bà không đồng ý. Hội đồng xét xử nhận định quá trình giải quyết vụ án bà T đã cung cấp tài liệu chứng cứ là “Bản cam kết giả nợ” ngày 16/10/2019 do bà C viết tay để chứng minh việc bà C còn nợ bà số tiền 58.000.000đ là có căn cứ vì bà C cũng thừa nhận đó là chữ viết và chữ ký của bà C, viết tại Ban công an xã Thanh Uyên, nội dung bản cam kết là đúng. Bà C cho rằng số tiền trên bà đã trả cho bà T qua bà T bằng hình thức trả bằng ruộng. Tại phiên tòa bà C cung cấp giấy viết tay của bà Nguyễn Thị Tâm với nội dung bà Tâm trình bày là em gái có làm ruộng của bà C và bà C có lấy lại bán cho bà T. Lý do bà C nại ra là không có cơ sở vì ngày 25/5/2021 Tòa án đã ra Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số 03/2021/QĐ – CCTLCC nhưng đến nay bà C cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh việc bà đã trả cho bà T số tiền trên và cũng không cung cấp được giấy tờ gì liên quan đến việc bà bán ruộng cho bà T nên không có căn cứ để xem xét. Phía bà T xác định việc bà C khai bà T có nhờ bà đòi tiền nợ hộ bà T trong thời gian bà T đi miền Nam làm ăn là hoàn toàn không có, bà không liên quan gì đến việc nợ tiền của bà T và bà C. Bà và bà C có đổi đất cho nhau là do hai bên tự nguyện dón điền đổi thửa, việc này hai bên đã giải quyết xong và đã có giấy

tờ, việc đồn điền đổi thửa này không liên quan gì đến việc cho vay tiền giữa bà T và bà C, việc bà T cho bà C vay tiền cũng không liên quan gì đến bà, bà không thay bà T đòi nợ. Ông Nguyễn Đình P xác nhận tháng 10/2019 ông làm trưởng công an xã Thanh Uyên, bà Phạm Thị T có đến có đến công an xã để yêu cầu giải quyết việc đòi nợ, ông là người trực tiếp giải quyết. Quá trình giải quyết hòa giải thì bà C có tự nhận có vay tiền của bà T và viết giấy “Bản cam kết giả nợ” ngày 16/10/2019. Khi bà C viết giấy trên có sự chứng kiến của ông, bà C có hứa trước bà T và ông là trả cho bà T số tiền như trong bản cam kết, bà C viết là trả dần. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ nên cần buộc bà C phải có trách nhiệm trả cho bà T số tiền số tiền 58.000.000đ (Năm mươi tám triệu đồng), bà T tự nguyện không yêu cầu tính lãi là phù hợp.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị C thuộc trường hợp là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Phạm Thị T được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 357, 463; 466, 470 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1, Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị C phải trả cho bà Phạm Thị T số tiền 58.000.000đ (Năm mươi tám triệu đồng). Bà T không yêu cầu tính lãi.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành án xong. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2, Về án phí:

Bà Nguyễn Thị C thuộc trường hợp là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Trả lại cho bà Phạm Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.450.000đ (Một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0002930 ngày 19/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự (có mặt) tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm./.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện
- Chi cục THADS huyện
- Các đương sự
- Lưu HS - VP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

***Đinh Thị Thu Huyền***